

CHÍNH PHỦ

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ SỐ ĐẠI BIỂU
ĐƯỢC BẦU Ở MỖI ĐƠN VỊ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG NGÃI**

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 23/2002/
ND-CP ngày 21/3/2002 phê chuẩn
đơn vị bầu cử và số lượng đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bầu
cử bổ sung của tỉnh Quảng Ngãi
nhiệm kỳ 1999 - 2004.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 59 của
Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi)
ngày 21 tháng 6 năm 1994;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Ngãi tại Văn bản số 290/UB ngày
07/3/2002 và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ
chức - Cán bộ Chính phủ tại Tờ trình số 68/TTr-
BTCCBCP ngày 18/3/2002,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn bầu cử bổ sung 2 (hai) đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu tại đơn vị
bầu cử số 6 thuộc huyện Sơn Tịnh và đơn vị bầu cử
số 9 thuộc thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Bộ trưởng,
Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chịu
trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

| Số thứ tự | Đơn vị hành chính | Đơn vị bầu cử | Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị |
|-----------------|----------------------|-----------------------|---|
| 1 | Huyện Sơn Tịnh | Đơn vị bầu cử số 6 | 1 đại biểu |
| 2 | Thị xã Quảng Ngãi | Đơn vị bầu cử số 9 | 1 đại biểu |

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 24/2002/
ND-CP ngày 21/3/2002 phê chuẩn
đơn vị bầu cử và số lượng đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bầu
cử bổ sung của tỉnh Quảng Nam
nhiệm kỳ 1999 - 2004.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 59 của
Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi)
ngày 21 tháng 6 năm 1994;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Nam tại Văn bản số 396/UB ngày
08/3/2002 và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ
chức - Cán bộ Chính phủ tại Tờ trình số 67/TTr-
BTCCBCP ngày 18/3/2002,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn bầu cử bổ sung 2 (hai) đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu tại đơn vị